

PHỤ LỤC 18:
BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA

A. Giá nhóm đất nông nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Nội dung	Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
(1)	(6)	(7)	
1. Đất trồng cây hàng năm (Gồm Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác)			
- Vị trí 1	64	175	Phường Nghĩa Đức
	42	149	Phường Quảng Thành
	72	179	Phường Nghĩa Thành
	20	109	Xã Đắc Ha
- Vị trí 2	50	139	Phường Nghĩa Đức
	36	127	Phường Quảng Thành
	55	141	Phường Nghĩa Thành
	19	89	Xã Đắc Ha
- Vị trí 3	38	108	Phường Nghĩa Đức
	25	103	Phường Quảng Thành
	46	110	Phường Nghĩa Thành
	18	66	Xã Đắc Ha
- Vị trí 4	38	75	Phường Nghĩa Đức
	25	71	Phường Quảng Thành
	46	77	Phường Nghĩa Thành
	18	50	Xã Đắc Ha
2. Đất trồng cây lâu năm			
- Vị trí 1	84	400	Phường Nghĩa

			Đức
	50	380	Phường Quảng Thành
	86	408	Phường Nghĩa Thành
	30	132	Xã Đăk Ha
- Vị trí 2	65	215	Phường Nghĩa Đức
	46	187	Phường Quảng Thành
	70	218	Phường Nghĩa Thành
	25	108	Xã Đăk Ha
- Vị trí 3	46	204	Phường Nghĩa Đức
	33	141	Phường Quảng Thành
	56	208	Phường Nghĩa Thành
	20	90	Xã Đăk ha
- Vị trí 4	46	102	Phường Nghĩa Đức
	56	104	Phường Nghĩa Thành
	33	79	Phường Quảng Thành
	20	69	Xã Đăk ha
3. Đất rừng sản xuất			
- Vị trí 1	12	40	Phường Quảng Thành
	9		Xã Đăk ha
- Vị trí 2	12	38	Phường Quảng Thành
	9		Xã Đăk ha
- Vị trí 3	12	36	Phường Quảng Thành
	9		Xã Đăk ha
- Vị trí 4	12	31	Phường Quảng Thành
	9		Xã Đăk ha
4. Đất nuôi trồng thủy sản			
- Vị trí 1	58	152	Phường Nghĩa Đức
	38	120	Phường Quảng Thành
	58	155	Phường Nghĩa Thành
	11	54	Xã Đăk ha
- Vị trí 2	43	113	Phường Nghĩa Đức

	34	105	Phường Quảng Thành
	43	115	Phường Nghĩa Thành
	10	48	Xã Đăk ha
- Vị trí 3	35	92	Phường Nghĩa Đức
	23	86	Phường Quảng Thành
	35	94	Phường Nghĩa Thành
	9	46	Xã Đăk ha
- Vị trí 4	35	44	Phường Nghĩa Đức
	23	42	Phường Quảng Thành
	35	45	Phường Nghĩa Thành
	9	39	Xã Đăk ha

B. Giá nhóm đất phi nông nghiệp

I. Giá đất ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi Chú
		Từ	Đến			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Đường 23/ 3	Cầu Đăk Nông	Hết Sở Kế hoạch và Đầu tư cũ	11,100	11,884	
		Hết Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đường Trần Phú (Tĩnh lộ 684 cũ)	11,100	11,884	
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Bùng binh	5,980	6,158	
3	Đường Hùng	Bùng binh	Đường Hàm Nghi	4,485	5,086	

	Vương					
4	Đường N'Trang Long (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường 23/3	Ngã ba Nguyễn Trãi (nhà công vụ cũ)	3,696	3,897	
		Ngã ba Nguyễn Trãi (nhà công vụ cũ)	Cầu Bà Thống	3,300	4,323	
		Cầu Bà Thống	Đường rẽ vào UBND phường Nghĩa Đức cũ	4,032	5,121	
		Đường rẽ vào UBND phường Đức cũ	Hết đường	3,240	3,661	
	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường N'Trang Long (Ngã ba nhà công vụ cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đắc Nông cũ)	3,840	4,217	
		Ngã tư, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khóm 5 cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đắc Nông mới)	5,760		Giải toả DA 212 hộ dân
5	Đường sau nhà Công vụ cũ	Ngã ba đường đi cầu Bà Thống	Hết đường nhựa	1,566	1,801	
		Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã tư Tổ 1, Khóm 5)	Chân bờ kè hồ	2,340		Giải toả DA 212 hộ dân
		Hết đường nhựa	Đoạn đường đất còn lại	1,560		Giải toả DA

						212 hộ dân
	Đường bên hông nhà Công vụ cũ	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường sau nhà Công vụ cũ	2,700		Giải toả DA 212 hộ dân
6	Đường vào Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 23/3 (gần đường Nguyễn Văn Trỗi)	Cổng Trường Nguyễn Thị Minh Khai	2,160	2,570	
7	Đường vào các tổ an ninh, tổ dân phố	Cầu Bà Thống	Đường Lương Thế Vinh (rẽ phải đến giáp ranh khu tái định cư đồi Đắc Nur)	2,520	2,898	
		Cầu Bà Thống	Rẽ trái đến đường N'Trang Long	2,016	2,399	
8	Đường Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 0 (đường 23/3)	Đường vào bệnh xá	3,510	4,424	
		Đường vào bệnh xá	Ngã ba bà Mù	3,200	4,200	
		Ngã ba bà Mù	Đường vào cổng trại giam	1,966	3,087	
		Đường vào cổng trại giam	Km 4	1,512	2,331	
9	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6 (giáp ranh xã Đắc Ha)	1,008	1,426	
10	Đường Lý Thái Tổ (Đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	4,022	4,043	
		Đường Lương Thế	Hết đường nhựa (ngã 3)	3,080	3,492	

		Vinh				
		Hết đường nhựa	Khu tái định cư Đắc Nur B	2,940	2,987	
11	Đường Ama Jhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	3,744	3,945	
12	Đường hẻm nối với đường Ama Jhao	Ngã ba đường hẻm nối với đường Ama Jhao	Hết đất nhà ông Trần Văn Diêu	1,747	2,085	
13	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Long	Đường Lương Thế Vinh	3,960	4,294	
14	Đường Lương Thế Vinh	Đường N'Trang Long	Hết đường Lương Thế Vinh	3,420	3,871	
15	Đường Hàm Nghị	Đường Hùng Vương	Đường Tân Đà	2,621	2,776	
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Hàm Nghị (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1,872	2,452	
17	Đường Tân Đà	Đường Hàm Nghị (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	2,621	2,776	
18	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	2,184	2,499	

19	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	2,184	2,499	
20	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	2,184	2,499	
21	Đường Y Jút	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Giáp đường dây 500Kv (hết đường)	2,184	2,499	
22	Đường Nguyễn Trường Tộ	Ngã năm Hoàng Diệu - Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hoàng Diệu	2,184	2,499	
23	Đường Hoàng Diệu	Ngã năm Nguyễn Thượng Hiền - Nguyễn Trường Tộ	Đường Y Jút (giáp đường dây 500Kv)	1,560	2,083	
24	Khu tái định cư đồi Đắc Nur	Nội các tuyến đường nhựa		1,428	1,832	
25	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)	Tổ dân phố 1, 2		552	825	
26	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại (Phường	Các tổ dân phố còn lại của phường		546	821	

	Nghĩa Đức cũ)					
27	Đất ở ven các đường đất thông hai đầu còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)	Tổ dân phố 1, 2		420	670	
28	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)	Các tổ dân phố còn lại của phường		396	606	
29	Đất ở ven các đường đất cụt còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)	Tổ dân phố 1, 2		360	535	
30	Đất ở ven các đường đất cụt còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)	Các tổ dân phố còn lại của phường		360	524	
31	Đường bê tông sau trại giam Công an tỉnh (TDP5)			560	630	

32	Khu tái định cư Công An	Nội tuyến đường nhựa		1,800	1,800	
33	Khu tái định cư Đắc Nia	Trục đường sau đổi đất sét (Nội tuyến đường nhựa)		1,680	1,928	
34	Khu tái định cư Đắc Nur B	Nội tuyến đường nhựa		1,428	1,496	
35	Đất ở các khu dân cư còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)			252	368	
36	Đường nhựa Tổ dân phố 3	Ngã ba bà Mù	Giáp ranh xã Đắc Nia cũ	945	1,038	
37	Đường bê tông hẻm 2 đường Trần Phú	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Đắc Nia cũ	945	1,021	
37	Đường nhựa tổ dân phố 5	Đường Trần Phú	Đường vào Hồ câu Bi Bo	810	1,163	
38	Đường bê tông tổ dân phố 5	Đường Trần Phú	Hết nhà anh Hiệp tổ trưởng tổ dân phố	810	914	
39	Đường Hoàng Sa	Giáp đường Lý Thái Tổ	Đến hết đường	1,260	1,735	

40	Khu tái định cư phía đông Hồ trung tâm (Ghi chú: Đối với các lô góc nhân thêm hệ số góc bằng 1.05)	Tiếp giáp đường D2		4,082	5,191	
		Tiếp giáp đường Đ27; ĐC3; T4		3,266	4,801	
		Tiếp giáp đường ĐC1; ĐC4; ĐC5; ĐC6; ĐC16; ĐC7; ĐC9; ĐC19		2,686	4,375	
41	Khu tái định cư Đắc Nur B - Giai đoạn 1 (đợt 3)	Tiếp giáp đường ĐC14 (từ lô 02-E2 đến lô 34-E2)		1,138	1,599	
		Tiếp giáp đường ĐC9; ĐC15; ĐC 17; ĐC 18; ĐC 19; ĐC 20; ĐC 21; ĐC 22; ĐC 23		1,587	1,924	
42	Đường Nguyễn	Giáp ranh	Đường Phan Bội Châu	1,638	2,179	

	Tất Thành	phường Quảng Thành cũ				
		Đường Phan Bội Châu	Đường Hai Bà Trưng	2,688	2,876	
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội biên phòng	3,306	3,641	
43	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	4,056	4,600	
		Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	Đường 23/3	6,365	7,500	
44	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hai Bà Trưng (Ngã tư hồ Thiên Nga)	5,363	5,700	
		Đường Hai Bà Trưng (Ngã tư hồ Thiên Nga)	Cầu Đắc Nông	8,978	11,000	
45	Đường Ngô Mây	Đường Lý Tự Trọng	Cổng chào TDP 6	2,688	3,635	
		Đường Tống Duy Tân	Cổng chào TDP 7	2,340	3,300	
		Cổng chào TDP 7	Nhà bà Nguyễn Thị Mười	1,000	1,300	
		Nhà ông Lê Bá	Nhà bà Nguyễn Thị Hoài	900	1,100	
		Nhà bà Nguyễn Đào	Đường Tô Hiệu	1,920	2,200	

45	Đường Tống Duy Tân	Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	3,686	5,746	
46	Đường Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Đường Chu Văn An	Đường 23/3	5,250	7,000	
47	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trương Công Định cũ)	Đường 23/3 - Nguyễn Tri Phương	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trung cũ)	14,985	19,931	
48	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Cổng trại giám công an huyện (cũ)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	10,530	13,000	
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Hết chợ thành phố	33,800	36,150	
		Hết chợ thành phố	Vào 50m (đường đi vào giáp chùa Pháp Hoa)	2,730	3,100	
49	Đường Sur Vạn Hạnh (đường đi sân Bay cũ)	Ngã ba chùa Pháp Hoa (Hùng Vương cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trung cũ)	2,730	4,000	
50	Đường Lý Tự	Đường Chu	Đường Đào Duy Từ	2,520	3,800	

	Trọng	Văn An				
51	Đường Bà Triệu	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	33,800	36,150	
52	Đường Đào Duy Từ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Mây	1,872	1,889	
53	Đường Chu Văn An	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Tri Phương	10,221	15,000	
		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Huỳnh Thúc Kháng	9,945	13,000	
54	Đường Võ Thị Sáu	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Hết nhà hộ sinh Đức Hạnh (Tà luy dương)	2,730	4,500	
		Hết nhà hộ sinh Đức Hạnh	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	2,340	4,200	
55	Đường quanh Chợ	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Bà Triệu	27,000	28,000	
56	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	1,872	4,446	
57	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	2,520	2,700	

		Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	Hết đường	2,028	3,200	
58	Đường trước Trường Tiểu học Phan Chu Trình	Đường Mạc Thị Bưởi	Hết đường nhựa	1,872	2,100	
59	Đường Phan Bội Châu (đường liên thôn Nghĩa Tín cũ)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường (1.310m)	744	850	
60	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc - Nam và một đoạn Hai Bà Trung cũ)	Đường Phan Bội Châu	Đường vào nhà hàng Dốc Vồng	3,240	6,847	
		Đường vào nhà hàng Dốc Vồng	Ngã tư đường Ngô Mây	4,875	5,472	
		Ngã tư đường Ngô Mây	Hết điện máy xanh	7,166	8,500	
		Hết điện máy xanh	Đường Chu Văn An	7,576	9,000	
61	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trung cũ)	Ngã ba đường Sư Vạn Hạnh giao với đường Tôn Đức Thắng	Đường Võ Thị Sáu	6,960	8,000	

		Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Viết Xuân (đường TDP 3)	11,008	12,000	
		Đường Nguyễn Viết Xuân (đường TDP 3)	Đường 23/3	11,475	13,784	
62	Đường nhựa	Đường Chu Văn An (giáp Nhà hàng Bản Việt)	Đường Lý Tự Trọng	2,521	3,500	
63	Đường vành đai hồ phường Nghĩa Thành			1,123	1,500	
64	Đường nội thị	Ngã ba Ngô Mây (nhà ông Luân)	Nhà ông Hào	734	830	
		Chợ vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	Chùa Pháp Hoa	792	900	
		Nhà ông Dũng Tầm	Nhà Thủy Lân	778	880	
65	Đất ở các tuyến, đoạn đường còn lại (Phường Nghĩa			806	900	

	Thành cũ)					
66	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại (Phường Nghĩa Thành cũ)	Từ Tổ dân phố 1 đến Tổ dân phố 10		672	780	
67	Đất ở ven các đường đất thông hai đầu còn lại (Phường Nghĩa Thành cũ)	Từ Tổ dân phố 1 đến Tổ dân phố 10		492	650	
68	Đất ở ven các đường đất cụt còn lại (Phường Nghĩa Thành cũ)	Từ Tổ dân phố 1 đến Tổ dân phố 10		418	625	
69	Đất ở các khu dân cư còn lại (Phường Nghĩa Thành cũ)			344	450	
70	Đường Dương Văn Nội	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Hết đường	821	950	

71	Đường Phạm Sư Mạnh	Đường Ngô Mây	Hết đường	990	1,200	
72	Đường Lê Văn Linh	Đường Phạm Sư Mạnh	Đường Tổng Duy Tân	990	1,200	
73	Đường Tô Hiệu	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Trường THCS Trần Phú	821	950	
74	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Trường Xuân	Hết cây xăng dầu Quang Phước	648	1,045	
		Hết cây xăng dầu Quang Phước	Đầu đường đôi (Đường Nguyễn Tất Thành)	1,008	1,669	
		Đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Thành	2,160	3,103	
75	Các tuyến đường nhựa, bê tông (Phường Quảng Thành cũ)	Giáp phường Nghĩa Phú (Khu nhà ở Công an tỉnh)	Giữa ngã ba đầu rẫy bà Cúc	356	518	
		Giữa ngã 3 đầu rẫy bà Cúc	Ngã ba Trảng Tiến	324	412	
		Quốc lộ 14	Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)	432	634	
		Thủy điện Việt Nguyên	Hết đường bê tông	324	366	

		(Đắc Nông 1)				
		Giáp phường Nghĩa Thành cũ	Hết đường nhựa Cầu sắt (cầu lò gạch)	324	412	
		Cầu sắt (cầu lò gạch)	Hết đường bê tông TDP Nghĩa Hòa và trục đường bê tông đầu nối với đường đối ngoại	324	366	
		Cầu sắt (cầu lò gạch)	Hết đường bê tông TDP Nghĩa Hòa và trục đầu nối với đường đối ngoại	260	347	
		Đường Đồng Khởi	Ngã 3 đường đất qua đồi thông	1,249	1,449	
		Ngã 3 đường đất qua đồi thông	Giáp xã Đắc R'moan cũ	348	353	
76	Đường 2/9	Cầu nhà bà Bé	Suối gần rẫy nhà ông Hùng (Sâm)	400	519	
		Suối gần rẫy nhà ông Hùng (Sâm)	Hết rẫy ông Nông Văn Sầm	300	494	
		Hết rẫy ông Nông Văn Sầm	Giáp ranh TDP Nghĩa Lợi	350	509	
		Giáp ranh TDP Nghĩa Lợi	Hết đường nhựa TDP Nghĩa Lợi	300	494	
77	Đường TDP Nghĩa Tín đi phường Nghĩa Đức cũ	Đường nhựa nối tiếp giáp đường đối ngoại	Giáp ranh phường Nghĩa Đức	300	494	

78	Đường nội thôn Các tuyến đường nhựa, bê tông (Phường Quảng Thành cũ)	Giáp phường Nghĩa Thành	Hết đường nhựa cầu sắt (Cầu Lò Gạch)	403	563	
		TDP Nghĩa Tín	TDP Nghĩa Hòa	302	419	
		Thủy điện Việt Nguyên (Đắc Nông 1)	Cuối đường bê tông	302	419	
		Đất ở khu dân cư còn lại TDP (đường thông 2 đầu)		252	392	
		Đất ở khu dân cư còn lại TDP		204	323	
79	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại Các tuyến đường nhựa, bê tông (Phường Quảng Thành cũ)			260	399	
80	Đường Nguyễn Văn Cừ (đường tránh đô thị Gia	Giáp Quốc lộ 14	Ngã tư đường tránh với đường TDP 1 của phường Nghĩa Phú nối dài (cách QL14 1,1 km)	720	860	
		Hết ngã tư đường	Giáp xã Đắc R'Moan	600	760	

	Nghĩa)	tránh với đường tổ dân phố 1 của phường Nghĩa Phú nổi dài (cách QL14 1,1 km)				
81	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Đắk Nông (hồ Đại La)-giai đoạn 1	Tiếp giáp mặt tiền đường 7m (thông hai đầu)		943	1,423	
		Tiếp giáp hai mặt tiền đường 7 m (thông hai đầu)		1,047	1,571	
		Tiếp giáp mặt tiền đường 10m (thông hai đầu)		960	1,334	
		Tiếp giáp hai mặt tiền đường 10m (thông hai đầu)		1,067	1,597	
82	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Đắk Nông	Tiếp giáp mặt tiền đường 10 m còn lại		889	1,201	

	(hồ Đại La)-giai đoạn 2					
83	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Đắk Nông (hồ Đại La)-giai đoạn 3	Tiếp giáp hai mặt tiền đường 10 m còn lại		988	1,488	
84	Đất ở Khu dân cư còn lại Các tuyến đường nhựa, bê tông (Phường Quảng Thành cũ)			143	171	
85	Đường Nơ Trang Gul	Giáp ranh phường Nghĩa Phú (mỏ đá)	Hết ranh Hội trường TDP Tân Tiến	356	560	
86		Hết ranh Hội trường TDP Tân Tiến	Ngã ba Trảng Tiền	324	488	
87	Đường Nguyễn An Ninh	Đường vào Khu hành chính phường (UBND phường giáp Quốc lộ 14)		432	1,534	

88	Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Giáp ranh thành phố Gia Nghĩa cũ	Đến hết đất khu công nghiệp BMC Đăk Nông cũ	1,200	1,408	
		Đến hết đất khu công nghiệp BMC Đăk Nông cũ	Ngã ba đường vào Trạm Y tế xã	900	1,015	
		Ngã ba đường vào Trạm Y tế xã	Đến cây xăng Trọng Tiến Việt	1,100	1,267	
		Đến cây xăng Trọng Tiến Việt	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	1,800	3,806	
		Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	Ngã ba đường vào mỏ đá thôn 8	1,380	3,586	
		Ngã ba đường vào mỏ đá thôn 8	Đường vào cổng 20 thôn 1	510	985	
		Đường vào Cổng 20 thôn 1	Giáp ranh xã Quảng Sơn	350	564	
89	Đường Đăk Ha, Quảng Khê (đốc ful rô)	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Giáp ranh xã Quảng Khê	330	527	
90	Đất ở các đường liên Thôn, Bon đã rải nhựa			200	461	

	Các tuyến đường nhựa, bê tông (xã Đắk Ha cũ)					
91	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; Bon Các tuyến đường nhựa, bê tông (xã Đắk Ha cũ)			150	426	
92	Đất ở các đường liên Thôn, Bon cấp phối >=3,5 mét) Các tuyến đường nhựa, bê tông (xã Đắk Ha cũ)			100	192	
93	Đất ở các đường liên Thôn, Bon không cấp phối >=3,5 mét)			80	184	

	Các tuyến đường nhựa, bê tông (xã Đắk Ha cũ)					
94	Đất ở các khu vực còn lại khác Các tuyến đường nhựa, bê tông (xã Đắk Ha cũ)			50	168	
95	Đường vào mỏ đá Hồng Liên	Ngã ba vào mỏ đá Hồng Liên	Ngã ba nối liền đường Đắk Ha - Quảng Khê	550	995	

II. Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp

ĐVT: 1.000 đồng/ m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất	Ghi chú
1	Cụm công nghiệp BMC phường Bắc Gia Nghĩa	277	Chưa xây dựng trong Bảng giá đất hiện hành

III. Giá đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sử dụng có thời hạn, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi Chú
		Từ	Đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Đường 23/ 3	Cầu Đắc Nông	Hết Sở Kế hoạch và Đầu tư cũ	9,507	7,130	8,319	
		Hết Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đường Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	9,507	7,130	8,319	
		Đường 23/3	Bùng bình	4,926	3,695	4,311	
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)						
3	Đường Hùng Vương	Bùng bình	Đường Hàm Nghi	4,069	3,052	3,560	
4	Đường N'Trang Long (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường 23/3	Ngã ba Nguyễn Trãi (nhà công vụ cũ)	3,118	2,338	2,728	

		Ngã ba Nguyễn Trãi (nhà công vụ cũ)	Cầu Bà Thống	3,458	2,594	3,026	
		Cầu Bà Thống	Đường rẽ vào UBND phường Nghĩa Đức cũ	4,097	3,073	3,585	
		Đường rẽ vào UBND phường Đức cũ	Hết đường	2,929	2,197	2,563	
	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường N'Trang Long (Ngã ba nhà công vụ cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đắc Nông cũ)	3,374	2,530	2,952	
		Ngã tư, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đắc Nông mới)				Giải toả DA 212 hộ dân
	Đường sau nhà Công vụ cũ	Ngã ba đường đi cầu Bà Thống	Hết đường nhựa	1,441	1,081	1,261	
		Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã tư Tổ 1, Khối 5)	Chân bờ kè hồ				Giải toả DA 212 hộ dân
		Hết đường nhựa	Đoạn đường đất còn lại				Giải toả DA 212 hộ dân
5		Đường bên hông nhà Công vụ cũ	Đường sau nhà Công vụ cũ				Giải toả DA 212 hộ dân

6	Đường vào Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 23/3 (gần đường Nguyễn Văn Trỗi)	Cổng Trường Nguyễn Thị Minh Khai	2,056	1,542	1,799	
7	Đường vào các tổ an ninh, tổ dân phố	Cầu Bà Thống	Đường Lương Thế Vinh (rẽ phải đến giáp ranh khu tái định cư đôi Đắc Nur)	2,318	1,739	2,029	
		Cầu Bà Thống	Rẽ trái đến đường N'Trang Long	1,919	1,439	1,679	
		Km 0 (đường 23/3)	Đường vào bệnh xá	3,539	2,654	3,097	
8	Đường Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	Đường vào bệnh xá	Ngã ba bà Mù	3,360	2,520	2,940	
		Ngã ba bà Mù	Đường vào công trại giam	2,470	1,852	2,161	
		Đường vào công trại giam	Km 4	1,865	1,399	1,632	
9	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6 (giáp ranh xã Đắc Ha)	1,141	856	998	
10	Đường Lý Thái Tổ (Đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	3,234	2,426	2,830	
		Đường Lương Thế Vinh	Hết đường nhựa (ngã 3)	2,794	2,095	2,444	
		Hết đường nhựa	Khu tái định cư Đắc Nur B	2,390	1,792	2,091	

11	Đường Ama Jhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	3,156	2,367	2,762	
12	Đường hẻm nối với đường Ama Jhao	Ngã ba đường hẻm nối với đường Ama Jhao	Hết đất nhà ông Trần Văn Diêu	1,668	1,251	1,460	
13	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Long	Đường Lương Thế Vinh	3,435	2,576	3,006	
14	Đường Lương Thế Vinh	Đường N'Trang Long	Hết đường Lương Thế Vinh	3,097	2,323	2,710	
15	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tân Đà	2,221	1,666	1,943	
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1,962	1,471	1,716	
17	Đường Tân Đà	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	2,221	1,666	1,943	
18	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,999	1,499	1,749	
19	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,999	1,499	1,749	
20	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,999	1,499	1,749	
21	Đường Y Jút	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Giáp đường dây 500Kv (hết đường)	1,999	1,499	1,749	
22	Đường Nguyễn Trường Tộ	Ngã năm Hoàng Diêu - Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hoàng Diêu	1,999	1,499	1,749	

23	Đường Hoàng Diệu	Ngã năm Nguyễn Thượng Hiền - Nguyễn Trường Tộ	Đường Y Jút (giáp đường dây 500Kv)	1,666	1,250	1,458	
	Khu tái định cư đồi Đắc Nur	Nội các tuyến đường nhựa		1,466	1,099	1,282	
25	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại	Tổ dân phố 1, 2		660	495	578	
	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại	Các tổ dân phố còn lại của phường		657	493	575	
	Đất ở ven các đường đất thông hai đầu còn lại	Tổ dân phố 1, 2		536	402	469	
	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu còn lại	Các tổ dân phố còn lại của phường		485	364	424	
	Đất ở ven các đường đất cụt còn lại	Tổ dân phố 1, 2		428	321	375	
	Đất ở ven các đường đất cụt còn lại	Các tổ dân phố còn lại của phường		419	314	367	
	Đường bê tông sau trại giam Công an tỉnh (TDP5)			504	378	441	
	Khu tái định cư Công An	Nội tuyến đường nhựa		1,440	1,080	1,260	
	Khu tái định cư Đắc Nĩa	Trục đường sau đồi đất sét (Nội tuyến đường nhựa)		1,542	1,157	1,350	

	Khu tái định cư Đắc Nur B	Nội tuyến đường nhựa		1,197	898	1,047	
	Đất ở các khu dân cư còn lại (Phường Nghĩa Đức cũ)			294	221	258	
	Đường nhựa Tổ dân phố 3 (Phường Nghĩa Đức cũ)	Ngã ba bà Mù	Giáp ranh xã Đắc Nĩa cũ	830	623	727	
	Đường bê tông hẻm 2 đường Trần Phú	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Đắc Nĩa cũ	817	613	715	
	Đường nhựa tổ dân phố 5 (Phường Nghĩa Đức cũ)	Đường Trần Phú	Đường vào Hồ câu Bi Bo	930	698	814	
	Đường bê tông tổ dân phố 5 (Phường Nghĩa Đức cũ)	Đường Trần Phú	Hết nhà anh Hiệp tổ trưởng tổ dân phố	731	548	640	
	Đường Hoàng Sa	Giáp đường Lý Thái Tổ	Đến hết đường	1,388	1,041	1,215	
	Khu tái định cư phía đông Hồ trung tâm (Ghi chú: Đối với các lô góc nhân thêm hệ số góc bằng 1.05)	Tiếp giáp đường D2		4,153	3,115	3,634	
		Tiếp giáp đường Đ27; ĐC3; T4		3,841	2,881	3,361	

		Tiếp giáp đường ĐC1; ĐC4; ĐC5; ĐC6; ĐC16; ĐC7; ĐC9; ĐC19		3,500	2,625	3,063	
	Khu tái định cư Đắc Nur B - Giai đoạn I (đợt 3)	Tiếp giáp đường ĐC14 (từ lô 02-E2 đến lô 34-E2)		1,279	959	1,119	
		Tiếp giáp đường ĐC9; ĐC15; ĐC 17;ĐC 18; ĐC 19; ĐC 20; ĐC 21; ĐC 22; ĐC 23		1,539	1,154	1,347	
	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Quảng Thành cũ	Đường Phan Bội Châu	1,743	1,307	1,525	
		Đường Phan Bội Châu	Đường Hai Bà Trưng	2,301	1,726	2,013	
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội biên phòng	2,913	2,185	2,549	
	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	3,680	2,760	3,220	
		Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	Đường 23/3	6,000	4,500	5,250	
	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hai Bà Trưng (Ngã tư hồ Thiên Nga)	4,560	3,420	3,990	
		Đường Hai Bà Trưng (Ngã tư hồ Thiên Nga)	Cầu Đắc Nông	8,800	6,600	7,700	
	Đường Ngô Mây	Đường Lý Tự Trọng	Cổng chào TDP 6	2,908	2,181	2,545	

	Đường Tống Duy Tân	Đường Tống Duy Tân	Cổng chào TDP 7	2,640	1,980	2,310	
	Cổng chào TDP 7	Cổng chào TDP 7	Nhà bà Nguyễn Thị Mười	1,040	780	910	
	Nhà ông Lê Bá	Nhà ông Lê Bá	Nhà bà Nguyễn Thị Hoài	880	660	770	
	Nhà bà Nguyễn Đào	Nhà bà Nguyễn Đào	Đường Tô Hiệu	1,760	1,320	1,540	
	Đường Tống Duy Tân (Quốc lộ 14 cũ)	Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	4,597	3,448	4,022	
	Đường Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Đường Chu Văn An	Đường 23/3	5,600	4,200	4,900	
	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trương Công Định cũ)	Đường 23/3 - Nguyễn Tri Phương	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	15,945	11,959	13,952	
	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Cổng trại giam công an huyện (cũ)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	10,400	7,800	9,100	
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Hết chợ thành phố	28,920	21,690	25,305	
		Hết chợ thành phố	Vào 50m (đường đi vào giáp chùa Pháp Hoa)	2,480	1,860	2,170	
	Đường Sư Vạn Hạnh (đường đi sân Bay cũ)	Ngã ba chùa Pháp Hoa (Hùng Vương cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	3,200	2,400	2,800	

	Đường Lý Tự Trọng	Đường Chu Văn An	Đường Đào Duy Từ	3,040	2,280	2,660	
	Đường Bà Triệu	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	28,920	21,690	25,305	
	Đường Đào Duy Từ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Mây	1,511	1,133	1,322	
	Đường Chu Văn An	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Tri Phương	12,000	9,000	10,500	
		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Huỳnh Thúc Kháng	10,400	7,800	9,100	
	Đường Võ Thị Sáu	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Hết nhà hộ sinh Đức Hạnh (Tà luy dương)	3,600	2,700	3,150	
		Hết nhà hộ sinh Đức Hạnh	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	3,360	2,520	2,940	
	Đường quanh Chợ	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Bà Triệu	22,400	16,800	19,600	
	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	3,557	2,668	3,112	
	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	2,160	1,620	1,890	
		Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	Hết đường	2,560	1,920	2,240	
	Đường trước Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Đường Mạc Thị Bưởi	Hết đường nhựa	1,680	1,260	1,470	

	Đường Phan Bội Châu (đường liên thôn Nghĩa Tín cũ)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường (1.310m)	680	510	595	
	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc - Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Đường Phan Bội Châu	Đường vào nhà hàng Dốc Vông	5,478	4,108	4,793	
		Đường vào nhà hàng Dốc Vông	Ngã tư đường Ngõ Mây	4,378	3,283	3,830	
		Ngã tư đường Ngõ Mây	Hết điện máy xanh	6,800	5,100	5,950	
		Hết điện máy xanh	Đường Chu Văn An	7,200	5,400	6,300	
	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Ngã ba đường Sư Vạn Hạnh giao với đường Tôn Đức Thắng	Đường Võ Thị Sáu	6,400	4,800	5,600	
		Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Viết Xuân (đường TDP 3)	9,600	7,200	8,400	
		Đường Nguyễn Viết Xuân (đường TDP 3)	Đường 23/3	11,027	8,270	9,649	
	Đường nhựa	Đường Chu Văn An (giáp Nhà hàng Bản Việt)	Đường Lý Tự Trọng	2,800	2,100	2,450	
	Đường vành đai hồ phường Nghĩa Thành			1,200	900	1,050	
	Đường nội thị	Ngã ba Ngõ Mây (nhà ông Luân)	Nhà ông Hào	664	498	581	
		Chợ vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	Chùa Pháp Hoa	720	540	630	

		Nhà ông Dũng Tầm	Nhà Thủy Lân	704	528	616	
	Đất ở các tuyến, đoạn đường còn lại (phường Nghĩa Thành cũ)			720	540	630	
	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại (phường Nghĩa Thành cũ)	Từ Tổ dân phố 1 đến Tổ dân phố 10		624	468	546	
	Đất ở ven các đường đất thông hai đầu còn lại (phường Nghĩa Thành cũ)	Từ Tổ dân phố 1 đến Tổ dân phố 10		520	390	455	
	Đất ở ven các đường đất cắt còn lại (phường Nghĩa Thành cũ)	Từ Tổ dân phố 1 đến Tổ dân phố 10		500	375	438	
	Đất ở các khu dân cư còn lại (phường Nghĩa Thành cũ)			360	270	315	
	Đường Dương Văn Nội	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Hết đường	760	570	665	
	Đường Phạm Sư Mạnh	Đường Ngô Mây	Hết đường	960	720	840	
	Đường Lê Văn Linh	Đường Phạm Sư Mạnh	Đường Tống Duy Tân	960	720	840	
	Đường Tô Hiệu	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Trường THCS Trần Phú	760	570	665	

		Ranh giới xã Trường Xuân	Hết cây xăng dầu Quang Phước	836	627	732	
	Quốc lộ 14	Hết cây xăng dầu Quang Phước	Đầu đường đôi (Đường Nguyễn Tất Thành)	1,335	1,001	1,168	
		Đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Thành	2,482	1,862	2,172	
		Giáp phường Nghĩa Phú (Khu nhà ở Công an tỉnh)	Giữa ngã ba đầu rẫy bà Cúc	414	311	363	
		Giữa ngã 3 đầu rẫy bà Cúc	Ngã ba Trảng Tiến	330	247	288	
		Quốc lộ 14	Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)	507	380	444	
		Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)	Hết đường bê tông	293	220	256	
		Giáp phường Nghĩa Thành cũ	Hết đường nhựa Cầu sắt (cầu lò gạch)	330	247	288	
		Cầu sắt (cầu lò gạch)	Hết đường bê tông TDP Nghĩa Hòa và trục đường bê tông đầu nối với đường đối ngoại	293	220	256	
		Cầu sắt (cầu lò gạch)	Hết đường bê tông TDP Nghĩa Hòa và trục đầu nối với đường đối ngoại	278	208	243	
		Đường Đồng Khởi	Ngã 3 đường đất qua đồi thông	1,159	869	1,014	
		Các tuyến đường nhựa, bê tông					

		Ngã 3 đường đất qua đồi thông	Giáp xã Đắc R'moan cũ	282	212	247	
	Đường 2/9	Cầu nhà bà Bé	Suối gần rẫy nhà ông Hùng (Sâm)	415	311	363	
		Suối gần rẫy nhà ông Hùng (Sâm)	Hết rẫy ông Nông Văn Sâm	395	296	346	
		Hết rẫy ông Nông Văn Sâm	Giáp ranh TDP Nghĩa Lợi	407	305	356	
		Giáp ranh TDP Nghĩa Lợi	Hết đường nhựa TDP Nghĩa Lợi	395	296	346	
	Đường TDP Nghĩa Tín đi phường Nghĩa Đức	Đường nhựa nối tiếp giáp đường đối ngoại	Giáp ranh phường Nghĩa Đức	395	296	346	
	Đường nội thôn	Giáp phường Nghĩa Thành	Hết đường nhựa cầu sắt (Cầu Lò Gạch)	450	338	394	
		TDP Nghĩa Tín	TDP Nghĩa Hòa	335	251	293	
		Thủy điện Việt Nguyên (Đắc Nông 1)	Cuối đường bê tông	335	251	293	
		Đất ở khu dân cư còn lại TDP (đường thông 2 đầu)		314	235	274	
	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại (phường	Đất ở khu dân cư còn lại TDP		258	194	226	
				319	239	279	

	Nghĩa Thành cũ)							
	Đường Nguyễn Văn Cừ (đường tránh đô thị Gia Nghĩa)	Giáp Quốc lộ 14	Nghĩa Phú nói dài (cách QL14 1,1 km)	688	516	602		
		Hết ngã tư đường tránh với đường tổ dân phố 1 của phường Nghĩa Phú nói dài (cách QL14 1,1 km)	Giáp xã Đắc R'Moan	608	456	532		
	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Đắk Nông (hồ Đại La)-giai đoạn 1	Tiếp giáp mặt tiền đường 7m (thông hai đầu)		1,138	854	996		
		Tiếp giáp hai mặt tiền đường 7 m (thông hai đầu)		1,257	943	1,100		
		Tiếp giáp mặt tiền đường 10m (thông hai đầu)		1,067	800	934		
		Tiếp giáp hai mặt tiền đường 10m (thông hai đầu)		1,278	958	1,118		
	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Đắk Nông (hồ Đại La)-giai đoạn 2	Tiếp giáp mặt tiền đường 10 m còn lại		961	721	841		
	Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Đắk Nông (hồ Đại La)-giai đoạn 3	Tiếp giáp hai mặt tiền đường 10 m còn lại		1,190	893	1,042		

	Đất ở Khu dân cư còn lại (phường Nghĩa Thành cũ)			137	103	120	
	Đường Nơ Trang Gul	Giáp ranh phường Nghĩa Phú (mỏ đá)	Hết ranh Hội trường TDP Tân Tiến	448	336	392	
		Hết ranh Hội trường TDP Tân Tiến	Ngã ba Trảng Tiền	390	293	342	
	Đường Nguyễn An Ninh	Đường vào Khu hành chính phường (UBND phường giáp Quốc lộ 14)					
		Giáp ranh thành phố Gia Nghĩa cũ	Đến hết đất khu công nghiệp BMC Đắk Nông cũ	1,227	920	1,074	
	Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Đến hết đất khu công nghiệp BMC Đắk Nông cũ	Ngã ba đường vào Trạm Y tế xã	812	609	711	
		Ngã ba đường vào Trạm Y tế xã	Đến cây xăng Trọng Tiến Việt	1,014	760	887	
		Đến cây xăng Trọng Tiến Việt	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	3,045	2,284	2,664	
		Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	Ngã ba đường vào mỏ đá thôn 8	2,869	2,152	2,510	
		Ngã ba đường vào mỏ đá thôn 8	Đường vào cống 20 thôn 1	788	591	690	
		Đường vào Cống 20 thôn 1	Giáp ranh xã Quảng Sơn	451	338	395	

	Đường Đắc Ha, Quảng Khê (dốc ful rô)	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Giáp ranh xã Quảng Khê	422	316	369	
	Đất ở các đường liên Thôn, Bon đã rải nhựa (xã Đắc Ha cũ)			369	277	323	
	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; Bon (xã Đắc Ha cũ)			341	256	298	
	Đất ở các đường liên Thôn, Bon cấp phối $\geq 3,5$ mét)			154	115	134	
	Đất ở các đường liên Thôn, Bon không cấp phối $\geq 3,5$ mét)			147	110	129	
	Đất ở các khu vực còn lại khác (xã Đắc Ha cũ)			134	101	118	
	Đường vào mỏ đá Hồng Liên	Ngã ba vào mỏ đá Hồng Liên	Ngã ba nối liền đường Đắc Ha - Quảng Khê	796	597	697	